

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG THỔ
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2024/DS-ST

Ngày 29 - 7 - 2024
V/v tranh chấp thay đổi người trực
tiếp nuôi con sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ, TỈNH LAI CHÂU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Quang Minh;
Ông Lò Văn Chiên.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lương Văn Đoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa:* Ông Đào Mạnh Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 108/2024/TLST-DS, ngày 16 tháng 4 năm 2024, về tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34a/2024/QĐXXST-DS, ngày 14/6/2024, quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2024/QĐST-DS, ngày 05/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm: 1989, địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện B, tỉnh Lào Cai, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Đèo Văn C, sinh năm: 1987, địa chỉ: Bản V, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hoàng Thị L trình bày:

Chị Hoàng Thị L và anh Đèo Văn C có 02 con chung là cháu Đèo Thị Thanh H, sinh ngày 28/9/2009 và cháu Đèo Hoàng N, sinh ngày 05/7/2015. Chị L và anh C đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự

số: 33/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 15/6/2020, của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Theo quyết định giải quyết ly hôn của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ thì chị **L** là người trực tiếp nuôi cháu **H**, còn anh **C** trực tiếp nuôi cháu **N**. Tuy nhiên, do anh **C** nghiện chất ma túy nên từ sau khi chị **L** và anh **C** ly hôn, anh **C** đã không có điều kiện và khả năng nuôi con nên chị **L** đã đón cháu **N** về với ở chị **L** từ đầu tháng 7 năm 2020 đến nay để chị **L** tiện chăm sóc cháu. Về điều kiện nuôi con, hiện nay, chị **L** có đầy đủ các điều kiện để nuôi con và chăm sóc con. Để đảm bảo sự phát triển tốt nhất của con, chị **L** làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, giao cháu **N** cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành.

Kết quả các minh, thu thập tài liệu, chứng cứ của Tòa án thể hiện: Cháu **N** đã về ở với chị **L** từ tháng 7 năm 2020 đến nay. Cháu **N** được chị **L** yêu thương, quan tâm, chăm sóc, được đi học đầy đủ. Hiện nay, chị **L** có đủ điều kiện để nuôi cháu **N**. Anh **C** là đối tượng nghiện chất ma túy, thường xuyên vắng nhà, không có điều kiện để nuôi dưỡng cháu **N**. Cháu **N** có nguyện vọng được ở với mẹ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên hòa giải nhưng tại phiên hòa giải, các đương sự đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; của người tham gia tố tụng: Thẩm phán tiến hành thủ tục thụ lý vụ án, thu thập tài liệu, chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt không có lý do, vi phạm Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 158, 227, 228, 238, 266, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giao cháu **Đèo Hoàng N**, sinh ngày 05/7/2015 cho chị **Hoàng Thị L** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu **N** đủ 18 tuổi. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập. Về án phí dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện vụ án tranh chấp thay đổi quyền nuôi con sau khi ly hôn, bị đơn là anh **Đèo Văn C**, cư trú tại: **Bản V, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tòa án đã ghi nhận sự thỏa thuận của chị **L** và anh **C** về việc sau khi ly hôn, chị **L** là người trực tiếp nuôi cháu **H**, còn anh **C** trực tiếp nuôi cháu **N**. Tuy nhiên, do anh **C** nghiện chất ma túy, không đủ điều kiện để nuôi con nên từ sau khi chị **L** và anh **C** ly hôn, chị **L** đã đón cháu **N** về với ở chị **L** để chị **L** tiện chăm sóc cháu. Về điều kiện nuôi con, hiện nay, chị **L** có đủ sức khỏe, đủ điều kiện kinh tế, có chỗ ở ổn định, có đầy đủ các điều kiện để nuôi con và chăm sóc con. Anh **C** là người nghiện chất ma túy, không có thu nhập, thường xuyên vắng nhà, không đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con. Chị **L** cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu **N**. Cháu **N** đã ở với mẹ từ sau khi bố mẹ ly hôn và cháu có nguyện vọng tiếp tục được ở với mẹ. Xét điều kiện thực tế của chị **L**, anh **C**, căn cứ vào quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, để đảm bảo quyền, lợi ích tốt nhất cho sự phát triển của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **L**, giao cháu **N** cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu **N** đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **Hoàng Thị L** không yêu cầu anh **Đèo Văn C** cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 158, 227, 228, 238, 266, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị **Hoàng Thị L** về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Giao cháu **Đèo Hoàng N**, sinh ngày 05/7/2015 cho chị **Hoàng Thị L** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu **N** đủ 18 tuổi.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi thì người trực tiếp nuôi có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **Hoàng Thị L** không yêu cầu anh **Đèo Văn C** cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Hoàng Thị L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Khấu trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0000393, ngày 12/4/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, chị **L** đã nộp đủ tiền án phí phải nộp.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- Chi cục THA dân sự huyện Phong Thổ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hạnh